

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HS-PT
Ngày: 10-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tuấn

Bà Mai Thị Minh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thanh Hà - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2020/TLPT-HS ngày 13 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXPT-HS ngày 26 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo Bùi Văn Đ và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2020/HS-ST ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh.

- Bị cáo kháng cáo:

1. Bùi Văn Đ, sinh năm 1958; nơi sinh, ĐKHKT và cư trú: Thôn 13, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn B (đã chết) và bà Trần Thị Ch (đã chết); gia đình có 6 chị em, bị cáo là thứ 4; vợ là Vũ Thị Nh, sinh năm 1960; có 3 con, con lớn sinh năm 1982, con nhỏ sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2019 đến ngày 27/8/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” (có mặt).

2. Bùi Văn D, sinh năm 1982; nơi sinh, ĐKHKT và cư trú: Thôn 13, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao Đ tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1958 và bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1960; gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ nhất; có vợ là Vũ Thị H4, sinh năm 1983; có 2 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/12/2005 bị Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Hà Nội xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Buôn bán hàng cấm”;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2019 đến ngày 11/9/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” (có mặt).

3. Bùi Văn D1, sinh năm 1984; nơi sinh, ĐKHKT và cư trú: Thôn 13, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1958 và bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1960; gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ hai; có vợ là Phạm Thị L3, sinh năm 1993; có 3 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị giam giữ từ ngày 16/3/2019 đến ngày 11/9/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo: Luật sư Phạm Gia L2- Văn phòng luật sư APEC Việt Nam thuộc đoàn luật sư Thành phố Hà Nội (có mặt).

- Người bị hại:

1. Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1978; cư trú tại: Lô 51, khu phố 8, xã S, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Chị Ngô Thị L, sinh năm 1982 (vợ anh Q); cư trú tại: Lô 51, khu phố 8, xã S, huyện Tân T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

- Những người làm chứng:

1. Ông Ngô Q X, sinh năm 1964; nguyên Trưởng Công an xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định; cư trú tại: Thôn 13, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

2. Ông Vũ Văn L4, sinh năm 1963; Công an viên xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

3. Ông Vũ Ngọc H, sinh năm 1973; Công an viên xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định (có mặt).

4. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1957; Công an viên xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định (có mặt).

5. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1985; cư trú tại: Thôn 14, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định (có mặt).

6. Ông Đoàn Văn C, sinh năm 1953; cư trú tại: Thôn 14, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định (có mặt).

7. Bà Phạm Thị Kh, sinh năm 1956; cư trú tại: Thôn 14, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định (có mặt).

8. Anh Đoàn Văn L5, sinh năm 1983; cư trú tại: Thôn 14, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định (có mặt).

9. Ông Đoàn Văn H1 sinh năm 1969; cư trú tại: Thôn 14, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định (có mặt).

10. Chị Tăng Thị Đ1, sinh năm 1986; cư trú tại: Thôn 4, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

11. Anh Nguyễn Văn L6, sinh năm 1988; cư trú tại: Thôn 11, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định (có mặt).

12. Bà Ngô Thị D2, sinh năm 1966; cư trú tại: Thôn 12, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

13. Anh Vũ Văn H1, sinh năm 1986; cư trú tại: Thôn 4, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

14. Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1987; cư trú tại: Thôn 10, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định (có mặt).

15. Anh Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1971; cư trú tại: Thôn 11, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

16. Ông Đoàn Hùng K1, sinh năm 1952; cư trú tại: Thôn 14, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng chị Ngô Thị L và anh Phạm Văn Q có vay tiền của một số người gồm: Gia đình chị Tăng Thị Đ1 ở thôn 4, xã T số tiền 300 triệu đồng; gia đình bà Ngô Thị D2 ở thôn 12, xã T số tiền 300 triệu đồng; gia đình ông Đoàn Văn C ở thôn 14, xã T số tiền 200 triệu đồng và gia đình bị cáo Bùi Văn Đ số tiền 150 triệu đồng.

Khoảng đầu năm 2018 vợ chồng chị L, anh Q vỡ nợ, bỏ vào sinh sống tại tỉnh bà Rịa - Vũng Tàu. Đầu năm 2019 vợ chồng chị L, anh Q chuyển nhượng nhà, đất của mình ở thôn 14, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Nam Định cho vợ chồng chị Tăng Thị Đ1 với giá 1,5 tỷ đồng. Sau khi bán nhà, vợ chồng anh Q gửi nhờ lại nhà chị Đ1 một bộ bàn ghế gỗ, một chiếc sập gỗ 2 tấm loại gỗ Lim Nam Phi, gửi nhờ tại nhà vợ chồng chị Nguyễn Thị L (chồng là Phạm Văn V) 01 chiếc đồng hồ côn. Sau đó vợ chồng anh Q thỏa thuận bán cho bà D2 bộ bàn ghế gỗ và chiếc đồng hồ côn trị giá 150 triệu đồng để trừ vào số tiền còn nợ bà D2; bán cho gia đình ông C chiếc sập gỗ cũng để trừ vào số tiền còn nợ ông C.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 15/3/2019, gia đình bà D2 đến nhà chị Đ1 để lấy bộ bàn ghế. Do vợ chồng ông C đang ở xưởng cơ khí giáp nhà chị Đ1 thấy vậy ông C đã gọi điện cho anh Đoàn Văn H3, anh Đoàn Văn L5 là em trai và cháu nhờ đến khiêng hộ chiếc sập gỗ, bà Kh (vợ ông C) kéo chiếc xe 3 bánh sang nhà chị Đ1. Sau đó, ông C cùng anh H3, anh L5 và 1 số người dân do vợ chồng ông C nhờ đã đến khiêng 1 tấm gỗ sập của gia đình anh Q từ nhà chị Đ1 để lên xe kéo. Chị Đ1 có hỏi đã thỏa thuận với vợ chồng chị L, anh Q chưa thì bà Kh bảo rồi, nên chị Đ1 không có ý kiến gì. Lúc này chị Nguyễn Thị L là người được vợ chồng anh Q, chị L nhờ trông coi tài sản thấy gia đình ông C khiêng tấm sập gỗ ra xe, do không biết việc ông C đã thỏa thuận với vợ chồng anh Q nên không đồng ý. Chị L đến gặp

ông Ngô Quang X là Trưởng Công an xã T trình báo, bà Kh cũng đến nhà đ/c Phạm Văn Đ là Phó thôn kiêm công an viên thôn 14 xã T trình bày sự việc.

Nhận được thông tin, đồng chí (đ/c) Ngô Quang X đã cùng đ/c Vũ Văn A là cán bộ đội Cảnh sát xây dựng phong trào phụ trách xã về an ninh trật tự Công an huyện Trục Ninh, đ/c Vũ Ngọc H, đ/c Vũ Văn L4, đ/c Phạm Văn Đ là Công an viên thường trực xã T đến nhà chị Đ1 thì gia đình ông C đã kéo chiếc xe chở tấm gỗ đến đầu đường vào thôn 14. Lực lượng Công an giải thích, yêu cầu vợ chồng ông C giao nộp tấm gỗ cho ban công an xã và về trụ sở UBND xã để giải quyết, gia đình ông C chấp hành. Ông C đi sang nhà chị L (V) nói chuyện qua điện thoại với anh Q. Anh Q và ông C thống nhất việc anh Q bán chiếc sập gỗ cho ông C với giá 100 triệu đồng và trừ vào số tiền vợ anh Q vay nợ của gia đình ông C. Ông C viết giấy chuyển nhượng đề chị L chụp ảnh gửi qua mạng xã hội Facebook cho anh Q.

Cùng lúc này, Bùi Văn Đ, đang ở quán ăn nhà con trai là Bùi Văn D1, biết được thông tin gia đình bà D2 và gia đình ông C đến nhà chị Đ1 lấy tài sản của gia anh Q để trừ nợ. Đ cũng biết việc vợ chồng chị L đã bán nhà cho chị Đ1 nhưng còn gửi lại 1 số đồ đạc. Đ nói với D1: “Chúng nó đang đến nhà L (C2) bắt nợ, tao với mày lên xem lấy đồ” (C2 là tên bố của chị Ngô Thị L). D1 đồng ý lấy xe máy chở Đ đi đến nhà chị Đ1. Trên đường đi Đ gọi điện cho con trai là Bùi Văn D nói: “Nhà cái Đ1 mở cửa cho nhà D (Đ) lấy bộ bàn ghế nhà L Q rồi, lên lấy đồ”, D đồng ý. D lấy 01 ống nứa trong chậu cây cảnh ở sân cầm theo, đi xe máy sang quán nhà D1 lấy 01 thanh mài dao bằng kim loại dài 0,425m tại bếp đút vào trong ống nứa dặt vào cạp quần, rồi đi đến nhà chị Đ1. D1 chở Đ đến nơi dừng xe, Đ xuống chửi chị Đ1: “Đ.mẹ con Đ1 A1, ai cho mày mở cửa nhà cho chúng nó lấy đồ” (A1 là tên bố chị Đ1). Chị Đ1 nói: “Anh Q bảo tao mở nên tao mở đấy”. Lúc này anh H3, anh L5 và đ/c Đ kéo xe chở tấm gỗ sập quay lại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T đi qua nhà chị Đ1 để giao nộp cho Ban công an xã. Đ và D1 đi theo xe kéo vừa đi vừa chửi gia đình ông C dám lấy tấm gỗ sập nhà L. Đ nói to với D và D1: “Chúng mày kéo chiếc xe về nhà cho tao, tội vạ đâu tao chịu”. Anh 3, anh L5 và đ/c Đ kéo xe đi vào trong sân UBND xã T. Đ đi theo vào chửi bới gia đình ông C, D1 cũng đứng phía sau xe kéo. Khi xe vào qua cổng UBND xã khoảng 03m thì D đến chặn trước đầu xe kéo. Anh H3 phải dừng lại. D cùng Đ tiếp tục chửi bới gia đình ông C và chính quyền địa phương về việc để vợ chồng anh Q chuyển tài sản cho người khác. Đồng thời, D xô đẩy, giằng co với anh H3 để giữ lấy tay xe anh H3 đang cầm để kéo xe chở tấm sập gỗ đi về. Lúc này đ/c X trưởng Công an xã và đ/c A Công an viên có mặt, đ/c X nói: “Đây là trụ sở UBND xã có vấn đề gì phải gặp cán bộ chính quyền để giải quyết, không được manh Đ. Tang vật là tấm gỗ phải để ở UBND, chờ giải quyết”. Nhưng Đ, D, D1 không chấp hành vẫn tiếp tục chửi bới. Đ quát to: “Chúng mày cứ kéo xe về cho tao, tội vạ đâu tao chịu”. D đứng chặn trước đầu xe và quát anh H3: “Đ.mẹ mày bỏ tay ra”, anh H3 nói: “Tao không bỏ” thì D lại quát: “Đ.mẹ mày bỏ ra không tao xiên chết”, đồng thời D rút thanh mài dao dặt ở cạp quần ra vung lên đập vào thành xe kéo rồi giơ lên trước mặt đe dọa anh H3. Anh H3 sợ quá phải bỏ tay kéo xe ra, anh L5 cũng không dám đẩy xe đi tiếp. D liền kéo xe chở tấm gỗ sập quay hướng ra cổng để đi ra ngoài đường, D1

chống tay vào đuôi xe đẩy đi thì đ/c X và đ/c A tiếp tục ngăn lại giải thích, yêu cầu để tấm sập gỗ lại. Đ/c A nắm lấy tay D1 giữ lại không cho đẩy xe đi và bảo: “Để tấm gỗ lại”. D1 không chấp hành gạt tay đ/c A ra và nói: “Nhà chúng nó lấy được thì tao cũng lấy được. Đi bắt nợ thằng nào mạnh thằng ấy thắng”. Đ/c Đ và đ/c L4 dùng tay giữ 2 bên thành xe để kéo xe lại, đ/c H đứng chặn trước đầu xe giữ tay kéo xe lại, yêu cầu D dừng lại, không được kéo xe đi. D chửi đ/c H: “Đ.mẹ thằng H T bỏ tay ra ngay không tao xiên chết” (T là tên bố đ/c H). Đ/c H vẫn chặn trước đầu xe, đ/c L4 và đ/c Đ giữ 2 bên thành xe không cho D, D1 kéo xe đi thì D lại chửi: “Đ.mẹ chúng mày đi bắt nợ thằng nào khỏe thằng ấy bắt, thằng nào khỏe thằng ấy cướp. Đ.mẹ chúng mày không bỏ ra tao xiên chết”. Trước thái độ hung hăng, chửi bới, đe dọa, chống đối quyết liệt của Đ, D, D1, các đ/c H, L4 và Đ buộc phải bỏ tay ra, để Đ, D, D1 kéo chiếc xe mang tấm sập gỗ về cất giấu tại lán tôn phía sau nhà ở của D.

Sau khi xảy ra sự việc, chị L (V) điện thoại cho anh Q nói về việc Đ, D, D1 cãi chửi nhau với gia đình ông C ngoài UBND xã và kéo tấm sập gỗ đi đâu không biết. Khoảng 21 giờ cùng ngày ông C đến nhà Đ hỏi về chiếc xe kéo 3 bánh chở tấm sập gỗ thì Đ đã trả lại xe cho ông C. Khoảng 22 giờ cùng ngày, chính quyền địa phương cùng lực lượng Công an xã T, Công an huyện Trục Ninh đến nhà Đ gặp Đ, D, D1 giải thích, vận Đ giao nộp tấm gỗ đã chiếm đoạt trên, song Đ, D, D1 không chấp hành, không giao nộp còn tuyên bố sẽ lấy nốt tấm sập gỗ còn lại của gia đình anh Q đang để ở nhà chị Đ1.

Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, D1 điện thoại cho chị Đ1 nói: “Mày xuống mở cửa cho tao lấy nốt cái sập”. Chị Đ1 nói “không mở” và tắt máy. Ngay sau đó anh Q điện thoại nói với anh H1 đem trả cho Đ 30 triệu đồng để trừ vào số tiền vợ chồng anh H1 mua nhà còn nợ vợ chồng anh Q. Anh H1 đồng ý. Khoảng 07 giờ ngày 16/3/2019, vợ chồng anh H1, chị Đ1 đến nhà Đ nói: “Anh Q điện về cho cháu nói là chuyển cho ông ba mươi triệu”. Đ biết vợ chồng chị L bán nhà cho vợ chồng chị Đ1, anh H1 với giá 1,5 tỷ. Đ nói: “Sao chỉ trả cho tao có vậy, chúng mày về nhà luôn, mở cửa cho tao lấy tấm sập. Nửa tấm sập tao lấy hôm qua rồi, còn tấm trong nhà, nay tao đến lấy nốt”. Chị Đ1 nói: “Cái này ông phải hỏi anh Q, cháu không biết”. Đ nói tiếp: “Nửa cái sập kia tối qua tao đã lấy rồi, nửa cái còn lại kiểu gì hôm nay tao cũng lấy nốt. Mày không mở cửa tao cũng cho người phá khóa”. Vợ chồng anh H1 đi về nhà. Ngay sau đó Đ đi sang quán nhà D1 gặp D và D1, Đ nói với D và D1: “Lên nhà L C kéo nốt tấm sập về” rồi lấy xe máy đi luôn đến nhà chị Đ1. D và D1 đồng ý đi cùng. D về nhà lấy xe máy và xe kéo của nhà và chở D1 ngồi sau kéo xe đi đến nhà chị Đ1. Trên đường đi gặp Nguyễn Văn H2 đi xe máy ngược chiều, D1 gọi Hợp nói: “Đi hộ anh cái này tí”, H2 quay xe đi theo. Đ vừa đến nhà anh H1, chị Đ1 thì D chở D1 kéo theo xe kéo cùng với H2 cũng đến nơi. Lúc này vợ chồng anh H1 đang quét dọn ở sân trước nhà, cửa nhà vẫn khóa. Đ nói với vợ chồng anh H1: “Chúng mày mở cửa cho ông lấy nốt tấm sập”. D đi đến chỗ chị Đ1 và nói: “Mở cửa cho tao lấy đồ, nếu không mở vợ chồng mày không ở đây được với nhà tao đâu”. Chị Đ1 nói với D: “Anh Q đã đồng ý chưa”. D nói: “Đây là việc của chúng tao, không liên quan đến mày. Mày mà không mở cửa tao cũng phá khóa”. Chị Đ1 và anh H1 sợ không giám ngăn cản đã

mở cửa nhà để cho Đ cùng D, D1 vào lấy tấm sập gỗ cùng hai chân liềng. Sau đó anh H1 nói cho chị L (V) biết sự việc. Thấy Nguyễn Văn Đ2 cùng 1 số người dân đưa con đi học qua, D đã nhờ Đ2 cùng một số người vào nhà chị Đ1 khiêng tấm sập. Đ nói với mọi người: “Chúng mày khiêng hộ tao cái sập, cẩn thận rơi gãy chân”. D1, D, Đ2, H2 và 1 số người vào trong nhà chị Đ1 khiêng tấm sập gỗ Lim Nam Phi liền khối và 2 chân giá đỡ sập (liềng) cũng bằng gỗ Lim Nam Phi ra xe, kéo về nhà D.

Chị L (Vinh) đã đến trình báo công an xã T về việc ba bố con Đ cùng một số người đã đến nhà chị Đ1 lấy tấm sập gỗ còn lại. Khi Công an xã T đến nhà chị Đ1 thì Đ, D, D1 đã kéo tấm sập về nhà D. Ngay sau đó, chị L gọi điện thông báo cho anh Q biết. Anh Q gọi điện thoại cho ông C tại sao ông C không lấy chiếc sập như đã thỏa thuận. Ông C nói: “Đằng nào nhà Đ cũng đã lấy mang về nhà, ông không muốn dính dáng đến nhà Đ và pháp luật nên không lấy nữa”. Anh Q gọi điện thoại cho Đ nói chuyện để giải quyết về việc vay nợ và chiếc sập gỗ nhưng không thống nhất được giá trị chiếc sập. Đến chiều ngày 16/3/2019, anh Q và Đ đã thống nhất, anh Q nhượng lại cho Đ chiếc sập gỗ với giá 100 triệu đồng trừ vào tiền chị L còn nợ Đ. Đ viết giấy chuyển nhượng chiếc sập đưa cho chị L (V) nộp cho cơ quan Công an. Đêm ngày 16/3/2019, chị Vũ Thị H4 là vợ D gọi điện thoại cho anh Q yêu cầu anh Q viết giấy chuyển nhượng cho Đ chiếc sập như đã thỏa thuận chiều 16/3/2019 với giá 100 triệu đồng. Ngày 17/3/2019 anh Q viết giấy chuyển nhượng chiếc sập gỗ và ngày 18/3/2019 đã chuyển qua dịch vụ chuyển phát nhanh từ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về địa chỉ nhà D.

Bản kết luận định giá tài sản số 07 ngày 24/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Trục Ninh xác định:

Tấm gỗ Lim Nam Phi liền khối hình hộp chữ nhật, bề mặt nhẵn bóng màu nâu gụ có kích thước (dài 3,215m x rộng 0,955m x cao 0,15m), trị giá: 20.700.000 đồng.

Tấm gỗ Lim Nam Phi liền khối hình hộp chữ nhật, bề mặt nhẵn bóng màu nâu gụ có kích thước (dài 3,215m x rộng 1,015m x cao 0,15m); trị giá: 22.000.000 đồng.

02 chiếc chân giá đỡ (liềng) bằng gỗ Lim Nam Phi có trị giá 5.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2019/HS-ST ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn Đ, Bùi Văn D và Bùi Văn D1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Chống người thi hành công vụ”.

Căn cứ khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự (BLHS), điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 BLHS, xử phạt:

Bùi Văn Đ 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

Bùi Văn D 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

Bùi Văn D1 18 (mười tám) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 330 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 BLHS, xử phạt:

Bùi Văn Đ 09 (chín) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”;

Bùi Văn D 09 (chín) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”;

Bùi Văn D1 06 (sáu) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 BLHS, buộc bị cáo Bùi Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 45 (bốn mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án (bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2019 đến ngày 27/8/2019). Bị cáo Bùi Văn D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án (bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2019 đến ngày 11/9/2019). Bị cáo Bùi Văn D1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án (bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2019 đến ngày 11/9/2019)

Ngoài ra Bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 13/01/2020 bị cáo Bùi Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo phạm tội một phần do người bị hại có lỗi vay nợ không trả đã thoả thuận trả bộ sập để trừ nợ và do nhận thức pháp luật kém, bản thân bị cáo tuổi già, sức khoẻ yếu, ở địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, bộ sập hiện chưa bán cho ai, do đó thiệt hại gây ra không lớn, bị cáo là lao động chính. Hình phạt đã tuyên đối với bị cáo về tội Cường đoạt tài sản là quá nặng, bị cáo không có hành vi chống đối các lực lượng chức năng, đề nghị xem xét cho bị cáo về tội danh cũng như hình phạt tội Chống người thi hành công vụ và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc cho gia đình.

Ngày 13/01/2020 bị cáo Bùi Văn D có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo phạm tội một phần do người bị hại có lỗi vay nợ không trả đã thoả thuận trả bộ sập để trừ nợ, bị cáo không có sự bàn bạc trước mà thụ Đ do bố nhờ đến lấy bộ sập mang về, ở địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, chính quyền, bộ sập chưa bán cho ai, do đó thiệt hại gây ra không lớn, hoàn cảnh bị cáo có vợ và 2 con nhỏ, là lao Đ chính. Bị cáo không có hành vi chống đối các lực lượng chức năng, đề nghị xem xét cho bị cáo về tội danh cũng như hình phạt của tội Chống người thi hành công vụ. Hình phạt đã tuyên đối với bị cáo về tội Cường đoạt tài sản là quá nặng, đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội làm lại cuộc đời, có điều kiện chăm sóc cho gia đình.

Ngày 13/01/2020 bị cáo Bùi Văn D1 có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo phạm tội một phần do người bị hại có lỗi vay nợ không trả đã thoả thuận trả bộ sập để trừ nợ và do nhận thức pháp luật kém, bị cáo không có sự bàn bạc trước mà thụ Đ do bố nhờ đến lấy bộ sập mang về, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, bộ sập hiện chưa bán cho ai, do đó thiệt hại gây ra không lớn, bị cáo có vợ và 3 con còn nhỏ là lao động chính trong gia đình. Hình phạt đã tuyên đối với bị cáo về tội Cường đoạt tài sản là quá nặng, bị cáo không có hành vi chống đối các lực lượng chức năng, đề nghị xem xét cho bị cáo về tội danh cũng như hình phạt của tội Chống người thi hành

công vụ và đề nghị được hưởng án treo để có cơ hội làm lại cuộc đời, có điều kiện chăm sóc cho gia đình, làm điều có ích cho xã hội.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo trình bày: Các bị cáo đã nhận thức được sai phạm của mình bị cấp sơ thẩm xét xử về hai tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Chống người thi hành công vụ” là đúng, đến nay các bị cáo rất ăn năn hối hận, đã thành khẩn khai báo, hoàn cảnh vợ chồng bị cáo Đ sức khoẻ yếu, thường X phải đi điều trị, bố vợ bị cáo Đ là lão thành cách mạng có 60 năm tham gia chống Pháp và chống Mỹ, chị gái là Liệt sỹ hy sinh tại chiến trường Nam Lào, gia đình bị cáo đang là người trực tiếp thờ cúng, đơn có xác nhận của chính quyền địa phương. Các bị cáo đều là trụ cột trong gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của các bị cáo hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về nội dung: Các bị cáo đã nhận thức được sai lầm, thể hiện sự ăn năn hối hận và xuất trình thêm tài liệu chứng cứ chứng minh gia đình đang thờ cúng liệt sỹ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt, tuyên xử bị cáo Bùi Văn Đ từ 18-24 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; từ 6-7 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 24-31 tháng tù. Bị cáo Bùi Văn D từ 15-21 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; từ 7-8 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 22-29 tháng tù. Bị cáo Bùi Văn D1 từ 12-15 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; từ 3-5 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 15-20 tháng tù.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày: Bản thân bị cáo Đ trong mối quan hệ giao dịch dân sự cho vợ chồng chị L anh Q vay tiền có cam kết nếu không trả ông Đ được quyền lấy bất cứ tài sản gì của gia đình để trừ nợ, đến hạn trả nợ ông Đ đã đòi nhiều lần không trả, chị L đã có lời nói bằng miệng thoả thuận gán tài sản để trừ vào khoản nợ, tuy nhiên sau đó do nợ nần nhiều đã bỏ trốn khỏi địa phương nên không xác lập được bằng văn bản việc thoả thuận gán nợ. Do nhận thức pháp luật chưa đầy đủ, trong lúc bức tức vì vợ chồng L Q bán hết nhà cửa và các tài sản còn lại, mà không trả nợ cho bị cáo, nên bị cáo Đ đã cùng các con trai của mình có những lời nói hành Đ không đúng đã được nêu trong bản án sơ thẩm. Nay các bị cáo đã nhận ra lỗi lầm của mình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá toàn diện các tình tiết nội dung của vụ án để cân nhắc khi lượng hình, xem xét vụ án có tính chất đồng phạm gián đơn và áp dụng quy định về đồng phạm để phân hoá vai trò các bị cáo, các bị cáo D, D1 phạm tội một phần do mối quan hệ là bố con với bị cáo Đ, nay ba người đàn ông trụ cột trong gia đình đều bị tuyên hình phạt tù, sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống của các thành viên khác, sự uy hiếp đe dọa của các bị cáo cũng chỉ có mức độ, trong bối cảnh có mặt nhiều người, bản thân bị cáo Đ không trực tiếp có hành vi uy hiếp, đe dọa. Trong vụ án này nếu người thi hành công vụ có sự hướng dẫn giải thích cặn kẽ chắc chắn hậu quả tội phạm có thể giảm thiểu đi rất nhiều. Bộ sập mang về các bị cáo chưa di chuyển đi đâu, hậu quả vật

chất không lớn đã được khắc phục. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo đã xuất trình được xác nhận của chính quyền địa phương về việc đang thờ cúng liệt sỹ và những người có công với cách mạng, bị cáo Đ hiện sức khoẻ yếu, đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo thấp hơn mức đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo đã nhận thức được sai lầm của mình, ăn năn hối lỗi, nhân thân chưa tiền án, tiền sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về phần thủ tục: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20h ngày 15/3/2019 khi nghe tin một số người đến nhà chị L để lấy tài sản trừ nợ. Bị cáo Bùi Văn Đ đã gọi con là Bùi Văn D và Bùi Văn D1 đến nhà chị L (Q) để bắt nợ. Khi đến nhà chị L, Đ thấy anh Đoàn Văn H3 và anh Đoàn Văn L5 chở tám gỗ do gia đình ông Đoàn Văn C vừa lấy của gia đình anh Phạm Văn Q gửi ở nhà chị Tăng Thị Đ1 về trụ sở UBND xã T để giải quyết thì Bùi Văn Đ, Bùi Văn D và Bùi Văn D1 đã cùng ra UBND xã T mục đích để chiếm đoạt lại tám gỗ sập mà gia đình ông C vừa lấy nợ của gia đình anh Q, chị L. Tại sân UBND xã T các bị cáo đã có hành vi chửi bới mọi người và chính quyền địa phương. Bị cáo Bùi Văn D dùng thanh mài dao bằng kim loại dài 42,5cm, phần đầu vát nhọn đập vào thành xe kéo đe dọa mọi người buộc anh Đoàn Văn H3, anh Đoàn Văn L5 là người nhà ông C đang kéo tám sập gỗ lên trụ sở UBND và các đồng chí Công an viên đang làm nhiệm vụ phải để cho các bị cáo lấy tám sập gỗ trị giá 20,7 triệu đồng mang về nhà. Khoảng 7h30 ngày 16/3/2019 các bị cáo tiếp tục đến nhà chị Tăng Thị Đ1 (là người mua nhà của chị Ngô Thị L) ở thôn 14, xã T đe dọa buộc anh H1, chị Đ1 là người được chị L gửi tám sập gỗ phải mở cửa để các bị cáo vào lấy nốt tám sập gỗ còn lại trị giá 22 triệu đồng và đôi chân liêng trị giá 5 triệu đồng mang về nhà. Hành vi đe dọa người khác để chiếm đoạt bộ sập gỗ (gồm 2 tám) trị giá 47.700.000đ của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 BLHS. Đồng thời, trong khi các bị cáo thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản, lực lượng Công an huyện Trục Ninh và Công an xã T đang thực thi nhiệm vụ đã yêu cầu để tám sập gỗ lại UBND xã T để giải quyết nhưng các bị cáo không chấp hành, còn có hành vi chửi bới, đe dọa, cản trở không cho lực lượng Công an làm nhiệm vụ. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 330 BLHS, nên cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Chống người thi hành công vụ” là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã thay đổi kháng cáo, không đề nghị xem xét lại về tội danh đối với cả hai tội.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo và quan điểm của Luật sư bào chữa đề nghị xem xét giảm mức hình phạt đối với các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, một phần do người bị hại vay nợ nhiều người, trong đó có vay của bị cáo Đ số tiền 150 triệu từ ngày 24/12/2017, hết thời hạn vay bị cáo đã đòi nhiều lần không trả, sau đó vợ chồng chị L tuyên bố vỡ nợ, bỏ đi khỏi địa phương, bán nhà và gán nốt một số tài sản còn lại cho các chủ nợ khác mà không trả nợ cho bị cáo Đ, trong khi giấy vay tiền của bị cáo Đ (BL 511) chị L viết cam kết: “Nếu có việc không may trong buôn bán làm thất thoát tiền không thanh toán đúng hẹn chị L đồng ý cho ông Đ được quyền đến nhà lấy bất cứ tài sản gì của gia đình hiện có để san bằng số tiền vay, cam đoan sẽ không gây phiền hà hoặc điều gì ảnh hưởng đến ông Đ khi lấy những tài sản của gia đình, nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu mọi phí tổn nếu xảy ra kiện tụng”, điều đó ít nhiều khiến các bị cáo bức tức và lầm tưởng rằng với nội dung thoả thuận như vậy các bị cáo được quyền đến lấy tài sản của chị L mà không phải nhờ cơ quan có thẩm quyền can thiệp. Đối với tội Chống người thi hành công vụ, bị cáo Đ và bị cáo D1 tham gia đồng phạm có vai trò thứ yếu, có đủ điều kiện cho bị cáo hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp. Đồng thời, xét ba bị cáo có mối quan hệ cha con, đều là trụ cột trong gia đình, tại cấp phúc thẩm các bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện bị cáo Đ già yếu, bệnh tật vừa phải điều trị tại bệnh viện, gia đình vợ bị cáo Đ là gia đình có công với cách mạng, bị cáo Đ đang trực tiếp thờ cúng Liệt sỹ, đây là những tình tiết mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét, nên cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với cả hai tội cho các bị cáo, để các bị cáo thấy được bản chất nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do sửa án sơ thẩm, nên người kháng cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 357 BLTTHS,

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm;

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn Đ, Bùi Văn D và Bùi Văn D1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Chống người thi hành công vụ”;

2. Căn cứ khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 BLHS, tuyên phạt các bị cáo tội “Cưỡng đoạt tài sản”:

Bị cáo Bùi Văn Đ 18 (mười tám) tháng tù;

Bị cáo Bùi văn D 15 (mười lăm) tháng tù;

Bị cáo Bùi Văn D1 12 (mười hai) tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58, căn cứ Điều 54 BLHS đối với riêng bị cáo Đ và bị cáo D1, tuyên phạt các bị cáo đối với tội “Chống người thi hành công vụ”:

Bị cáo Bùi Văn D 06 (Sáu) tháng tù;

Bị cáo Bùi Văn Đ 03 (Ba) tháng tù;

Bị cáo Bùi Văn D1 03 (ba) tháng tù

Căn cứ khoản 1 Điều 55 BLHS, buộc bị cáo Bùi Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án (bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2019 đến ngày 27/8/2019). Buộc bị cáo Bùi Văn D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án (bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2019 đến ngày 11/9/2019). Buộc bị cáo Bùi Văn D1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án (bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2019 đến ngày 11/9/2019);

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

3. Án phí: Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người bị thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND-CA tỉnh Nam Định;
- Các Bị cáo; bị hại;
- TAND-VKS-CA huyện Trực Ninh;
- Chi cục Thi hành án huyện Trực Ninh;
- Lưu HS, VP.

(đã ký)

Nguyễn Thị Bạch Tuyết